

STATE OF NEBRASKA
FORM NO. DC 6:4(1)
Rev. 1/08
Neb. Rev. Stat. 42-353
TIỂU BANG NEBRASKA
MẪU SỐ 6:4(1)
Được sửa đổi 1/08
Điều 42-353 của Bộ Luật Canh
Cải Nebraska

**COMPLAINT FOR
DISSOLUTION OF MARRIAGE**
(No Children)
ĐƠN XIN HỦY BỎ CUỘC HÔN NHÂN
(Không Có Con Chung)

CASE NUMBER:
(assigned by Clerk of Court)

SỐ HỒ SƠ:
(do Lục Sự Tòa Án chỉ định)

IN THE DISTRICT COURT OF _____ COUNTY, NEBRASKA
(county where Complaint filed)

TẠI TÒA ÁN KHU VỰC CỦA QUẬN/HẠT (_____), NEBRASKA
(quận/hạt nơi nộp đơn xin)

_____,
(your full name) (họ tên đầy đủ của quý vị)
Plaintiff, **Nguyên Đơn,**

vs. **kiện**

_____,
(spouse's full name) (họ tên đầy đủ của người phối ngẫu quý vị)
Defendant. **Bị Đơn.**

**COMPLAINT FOR
DISSOLUTION OF MARRIAGE**
(No Children)

**ĐƠN XIN HỦY BỎ
CUỘC HÔN NHÂN**
(Không Có Con Chung)

I/ **Tôi, là** _____, without assistance of an attorney,
(your full name) (họ tên đầy đủ của quý vị)

ask this Court for a Dissolution of Marriage. In support of my Complaint, I state that the following items are true: / **không nhờ sự trợ giúp của luật sư khi đưa đơn này để yêu cầu Tòa Án hủy bỏ cuộc hôn nhân của tôi. Để hỗ trợ cho yêu cầu này, tôi xin khẳng định rằng những điều khai sau đây là đúng sự thật:**

1. I live at/ **Tôi sống tại** _____, in/ ở
(your street address) (số nhà và tên đường nơi quý vị sống)

_____.
(city, county, and state where you live) (thành phố, quận/hạt và tiểu bang nơi quý vị sống)

2. My spouse's address is/ **Người phối ngẫu tôi sống tại**
_____ in/ ở _____

(spouse's street address) (số nhà và tên đường nơi người phối ngẫu quý vị sống)

_____.
(city, county and state where spouse lives) (thành phố, quận/hạt và tiểu bang nơi người phối ngẫu quý vị sống)

3. Either my spouse or I have lived in the state of Nebraska for more than one year prior to the filing of this Complaint, with the bona fide intention of making this state our permanent home.

Tôi hoặc người phối ngẫu tôi đã sống ở tiểu bang Nebraska hơn một năm trước khi nộp đơn xin này, và đã có ý định chân thật là muốn an cư lạc nghiệp ở tiểu bang này.

4. At the time I filed this action, either my spouse or I was living in/ **Vào lúc nộp đơn xin này, tôi hoặc người phối ngẫu tôi đang sống tại Quận/Hạt** _____ County, Nebraska./

Nebraska. (county where Complaint filed) (quận/hạt nơi nộp Đơn Xin)

5. We were lawfully married on/ Chúng tôi đã làm lễ kết hôn hợp pháp vào ngày

_____, in/ ở _____
(date of marriage) (ngày kết hôn)

(city and state of marriage) (thành phố và tiểu bang nơi làm lễ kết hôn)

6. Neither my spouse nor I am a party to any other pending actions for divorce, separation, or dissolution of marriage in this state or in any other state.

Cả tôi và người phối ngẫu tôi đều không phải là đương sự trong bất cứ vụ ly dị, ly hôn, hay hủy bỏ cuộc hôn nhân nào khác đang chờ quyết định ở tiểu bang này hay bất cứ tiểu bang nào khác.

7. My spouse is not a member of the Armed Forces of the United States or its allies.

Người phối ngẫu tôi không phải là thành viên trong Lực Lượng Vũ Trang của Hoa Kỳ hay các đồng minh của Hoa Kỳ.

8. My marriage is irretrievably broken.

Cuộc hôn nhân của tôi bị đổ vỡ đến mức không có cách nào hàn gắn lại được.

9. No child or children were born to or adopted by my spouse or me and none are expected, or all of our children are age 19 or older.

Người phối ngẫu và tôi không có con chung hay con nuôi và cũng sẽ không có con, hoặc có con chung nhưng các em đã đủ 19 tuổi trở lên.

10. During the course of the marriage, my spouse and I have accumulated certain items of property, which should be equitably divided between us.

Trong thời gian kết hôn với nhau, tôi và người phối ngẫu tôi đã có được một vài món tài sản hiện cần được chia giữa hai người một cách công bằng.

11. My spouse and I have incurred certain debts and obligations during the marriage, and the liability for payment of these debts and obligations should be equitably divided between us.

Người phối ngẫu và tôi đã đảm nhận một số khoản nợ và bổn phận khác trong thời gian kết hôn với nhau, và trách nhiệm thanh toán các khoản nợ và bổn phận này hiện cần được chia giữa hai người một cách công bằng.

12. I wish my former name,/ Tôi muốn đổi tên trở lại tên của tôi trước khi kết hôn, là

_____, to be restored to me.

(former or maiden name, including first, middle, and last names)

(họ tên trước khi lấy người phối ngẫu, bao gồm tên, chữ lót, và họ)

13. I want this dissolution of marriage proceeding heard by a district court judge.

Tôi muốn vụ tố tụng xin hủy bỏ cuộc hôn nhân này được quyết định bởi một thẩm phán tòa án cấp khu vực.

14. Check the box that applies: Đánh dấu vào mục nào áp dụng cho trường hợp của quý vị:

[] There are no existing restraining orders, protection orders, or criminal no-contact orders regarding either party.

Không có lệnh kiềm chế (restraining order), lệnh bảo vệ (protection order), hay lệnh cấm tiếp xúc (criminal no-contact order) nào liên quan đến hai đương sự này.

OR

HOẶC

[] There are one or more existing restraining orders, protection orders, or criminal no-contact orders regarding one or more of the parties. Details are as follows:
Hiện có một hoặc nhiều lệnh kiềm chế, lệnh bảo vệ, hay lệnh cấm tiếp xúc liên quan đến một hay cả hai đương sự này. Chi tiết là:

(a) Type of order: Loại lệnh: _____ restraining; kiềm chế; _____ protection; bảo vệ; _____ criminal no-contact. cấm tiếp xúc.

(b) Name of court, case number, and date of order for each order:
Tên tòa án, số hồ sơ, và ngày phát của mỗi lệnh:

(name of court, case number and date of each order) (tên tòa án, số hồ sơ, và ngày phát của mỗi lệnh)

WHEREFORE, I request the court:

DO ĐÓ, tôi xin yêu cầu tòa án:

A. Dissolve my marriage.

Hủy bỏ cuộc hôn nhân của tôi.

B. Equitably divide the property and debts between my spouse and me.

Phân chia các tài sản và khoản nợ giữa tôi và người phối ngẫu tôi một cách công bằng.

C. Restore to me my former name of

Đổi tên của tôi trở lại tên cũ là

(former or maiden name, including first, middle and last names)

(tên cũ hay tên trước khi lấy người phối ngẫu, bao gồm tên, tên đệm, và họ)

D. Grant any further relief that may be just.

Ra lệnh về bất cứ biện pháp chỉnh sửa nào khác có thể cần thiết và công bằng.

Plaintiff (print name)/ Nguyên đơn (viết chữ in hoa)

Signature/ Chữ ký

Street address/ Địa chỉ (số nhà và tên đường)

City, State, Zip code/ Thành phố, Tiểu bang, Mã zip

Telephone number/ Số điện thoại
